

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-ST

Ngày 29 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2021/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ý N, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Trần Văn D1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Bà Lương Cẩm D2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Ý N trình bày: Vào ngày 01/4/2019 ông Trần Văn D1 có hỏi mượn bà với số tiền 90.000.000 đồng. Cả hai có làm biên nhận nợ. Số tiền này là tiền hui do bà Lương Cẩm D2 và ông Trần Văn D1 làm chủ hui. Khi hui đình ông D1 và bà D2 còn nợ lại 90.000.000 đồng. Tuy nhiên ông D1 đã trả cho bà được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng. Nay bà Huỳnh Ý N yêu cầu ông Trần Văn D1 trả cho bà Huỳnh Ý N với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2022 bị đơn ông Trần Văn D1 trình bày: Ông Trần Văn D1 thừa nhận và thống nhất phần trình bày của bà Huỳnh Ý N. Về thời gian ông và bà D2 có nợ tiền hụi của bà Huỳnh ý Như và còn nợ số tiền đúng như bà N trình bày với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Số tiền trên là giữa ông và bà D2 nợ tiền hụi của bà N. Sau đó hai bên có chốt nợ là 90.000.000 đồng và ông đã trả cho bà N 30.000.000 đồng và còn nợ lại 60.000.000 đồng. Ông có làm Biên nhận nợ tiền của bà N. Do hoàn cảnh làm ăn khó khăn nên ông D1 chưa có khả năng trả cho bà Huỳnh ý Như. Nay ông D1 thống nhất cùng bà Lương Cẩm D2 trả cho bà Huỳnh Ý N số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng.

- Đối với bà Lương Cẩm D2 đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà D2 vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Ý N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2 trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hụi*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2.

[3] Tại phiên tòa bà Huỳnh Ý N yêu cầu ông D1, bà D2 trả số tiền nợ hụi là 60.000.000 đồng với lý do: Ông D1 và bà D2 chưa thanh toán tiền nợ hụi với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Trong quá trình giao dịch hụi, bà N có tham gia do ông D1 và bà D2 làm chủ. Khi hụi đình ông D1 có làm giấy mượn tiền là 90.000.000 đồng thực chất đây là tiền nợ hụi và đã trả được 30.000.000 đồng, cụ thể Hợp đồng mượn tiền lập ngày 01/4/2019 với nội dung ông Trần Văn D1 có mượn tiền bà N, ông D1 có ký tên vào hợp đồng mượn tiền. Quá trình giao dịch hụi ông Trần Văn D1 và bà Lương cẩm Diên vẫn là vợ chồng, cùng nhau làm chủ dây hụi nên đây là nợ chung của ông D1 và bà D2. Đồng thời, bà N khẳng định số tiền mượn thực chất là tiền nợ hụi, sau khi chốt nợ thì ông D1 đại diện ông và bà D2 ý vào Hợp đồng mượn tiền.

Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà D2 nhưng bà D2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N buộc ông D1 và bà D2 trả số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ý N được chấp nhận toàn bộ, nay buộc ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bà Huỳnh Ý N được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về hộ, hội, biên, phường và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Ý N. Buộc Ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Ý N số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2 cùng liên đới phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Bà Huỳnh Ý N đã nộp tạm ứng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0017541 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho bà Huỳnh Ý N.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Huỳnh ý Như có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn D1 và bà Lương Cẩm D2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

Sơn Ngọc Trọng